TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Khmau

Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1990; Số hộ chiếu: C8234925, Cục Q cấp ngày 28/10/2019.

Địa chỉ: 3 H, K – cho, Koyu-gun, tỉnh Miyazaki, Nhật Bản (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T1, sinh năm 1990; Số Chứng minh nhân dân: 334495416, Công an tỉnh T cấp ngày 14/4/2005

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày*: Qua tìm hiểu, chị T và anh Lê Văn T1 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2017. Thời gian đầu anh chị sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên khoảng cuối năm 2019 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn liên quan đến vấn đề kinh tế. Sau đó chị T đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, từ đó đến nay chị và anh T1

không còn sống chung với nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không thể hòa hợp, anh chị không còn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Chị T khai, chị với anh T1 sống chung với nhau có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018 hiện tại cháu Lê Nguyễn Thiên K đang sống chung với anh T1, chị đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Thiên K cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh T1 tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh T1 đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thời gian hòa giải và xét xử lần 1 và lần 2, nhưng anh T1 không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T và cũng không có nộp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018 hiện tại cháu Lê Nguyễn Thiên K đang sống chung với anh T1, chị T đồng Ý giao cháu Lê Nguyễn Thiên K cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy, ý kiến và yêu cầu của chị T là phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1, và chị yêu cầu giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đang định cư tại Nhật Bản nên căn cứ Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Lê Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2017 (BL 07), nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nguyên nhân ly hôn, theo chị T khai cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh T1 có nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, hiện tại hai người ở hai nước khác nhau, không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân là vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị T, anh T1 không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị , cho chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn T1 ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T khai, cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh Lê Văn T1 có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018 hiện tại cháu Lê Nguyễn Thiên K đang sống chung với anh T1. Về yêu cầu của chị T Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Nguyễn Thiên K hiện đang sống chung với anh T1, do cháu Lê Nguyễn Thiên K còn nhỏ, đã quen với cuộc sống do anh T1 nuôi dưỡng, trong khi chị T đang định cư tại Nhật Bản không có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, đồng thời đảm bảo việc phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Nguyễn Thiên K cho anh Lê Văn T1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Thiên K cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, và đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000

đồng/tháng đến khi cháu Thiên K tròn 18 tuổi. Xét ý kiến và yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ địa bàn xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu bằng 3.450.000 đồng/tháng. Do giữa chị T và anh T1 không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con và chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.00.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của chị T, buộc chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Thiên K với số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên K đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiều T và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định ở phần trên, nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Lê Văn T1

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kiều T, giao cho anh Lê Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018. Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Thiên K với số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000024 ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), chị Nguyễn Thị Kiều T còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu